CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn CMH Việt Nam

Ngày 30/09/2025	8,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.6%	**9.1%**	**-8.7%**

DT thuần
Q3/25
66.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.5| -15.7%
YoY: ▼3.50| -5.0%

LN thuần
Q3/25
2.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.66| 154%
YoY: ▲ 2.88| 2061%

LN sau thuế
Q3/25
5.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.79| 245%
YoY: ▲ 4.18| 361%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
11.2%
YoY: +/-▲ 11.0%

ROE (TTM)
Q3/25
3.7%
YoY: +/-▲ 1.4%

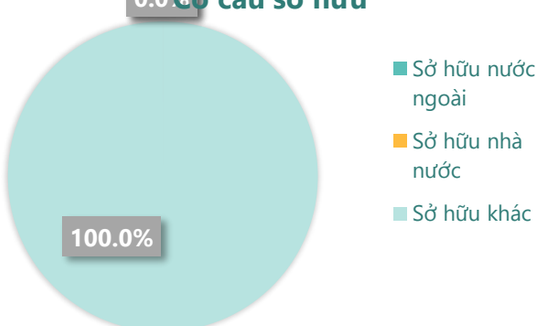
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,600 - 12,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	214
Số lượng CPLH (CP)	25,452,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70,050
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.03
EPS	410
P/E	20.5

DT thuần
9T 2025
204
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 71.0| 53.3%

LN thuần
9T 2025
2.54
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.16| 568%

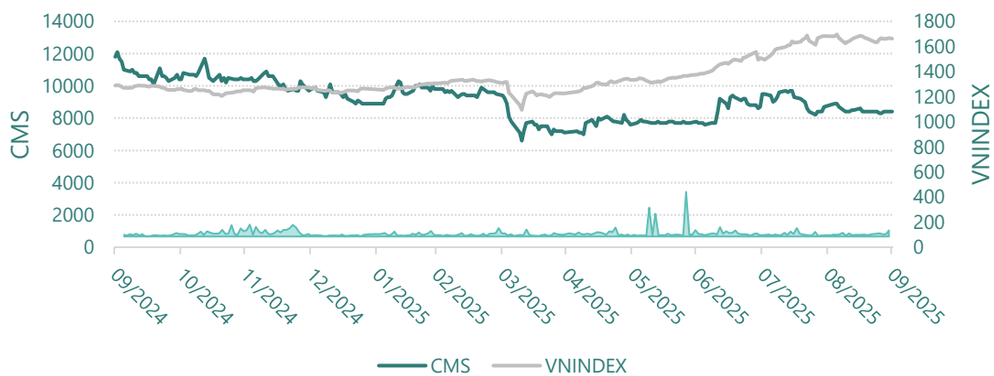
LN sau thuế
9T 2025
9.11
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.48| 151%

Cơ cấu sở hữu

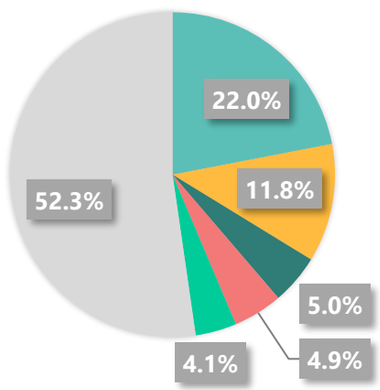


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



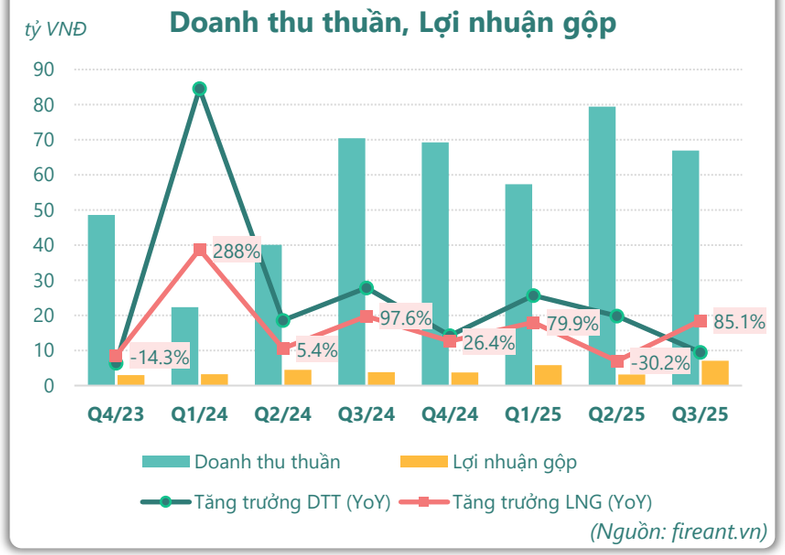
Cơ cấu cổ đông



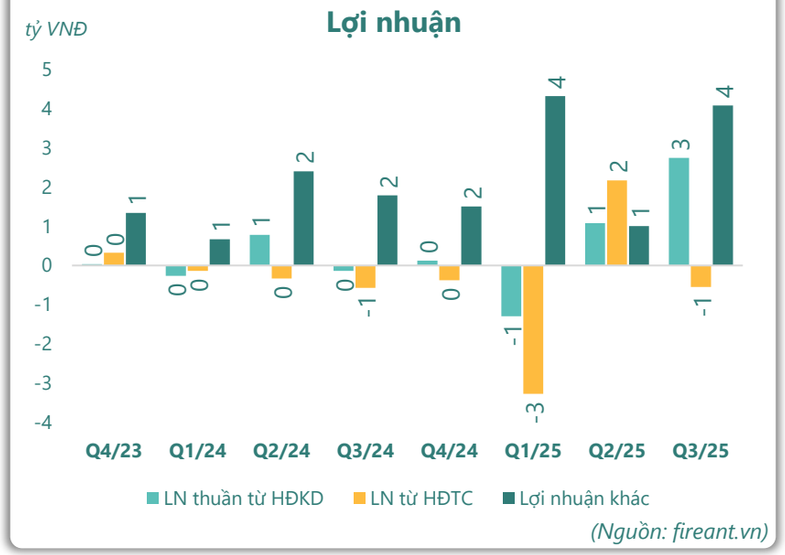
- Phạm Minh Phúc (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Anh Tú (Thành viên HĐQT)
- Phạm Văn Tùng
- Phạm Văn Xuyên
- Nguyễn Thúy Dung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

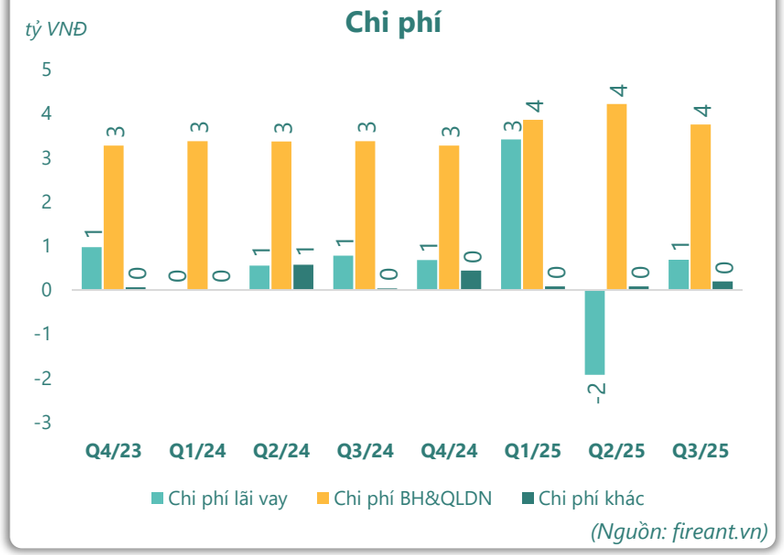
KẾT QUẢ KINH DOANH



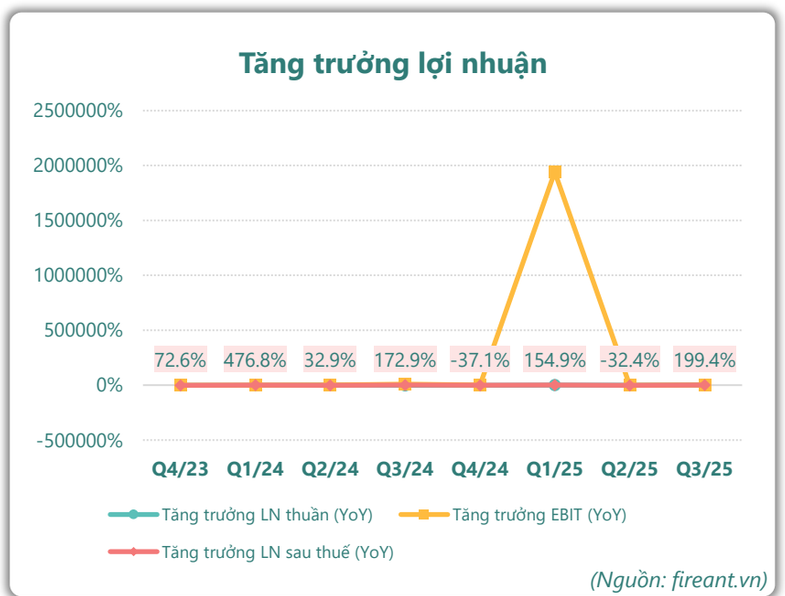
(Nguồn: fireant.vn)



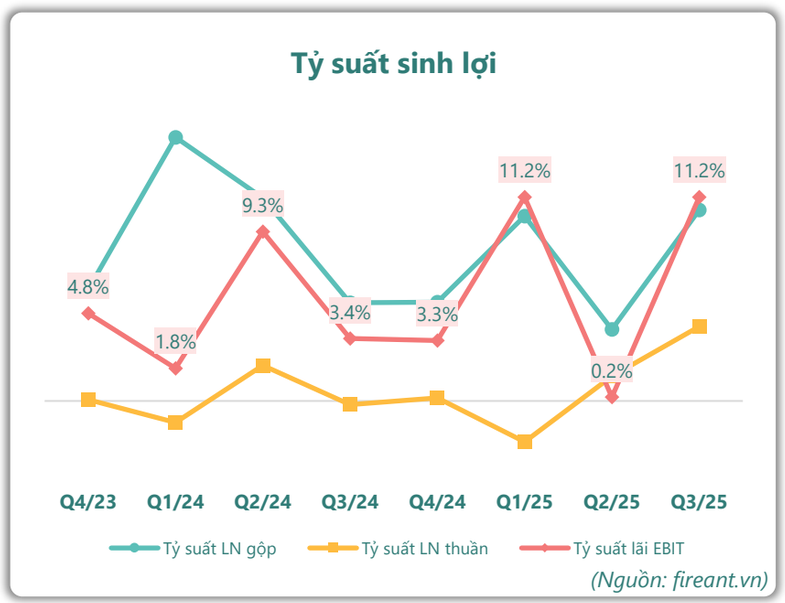
(Nguồn: fireant.vn)



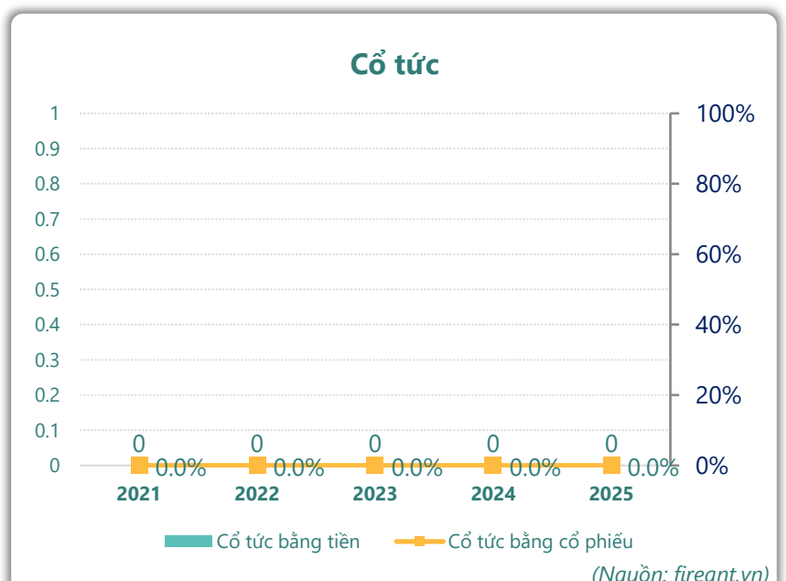
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



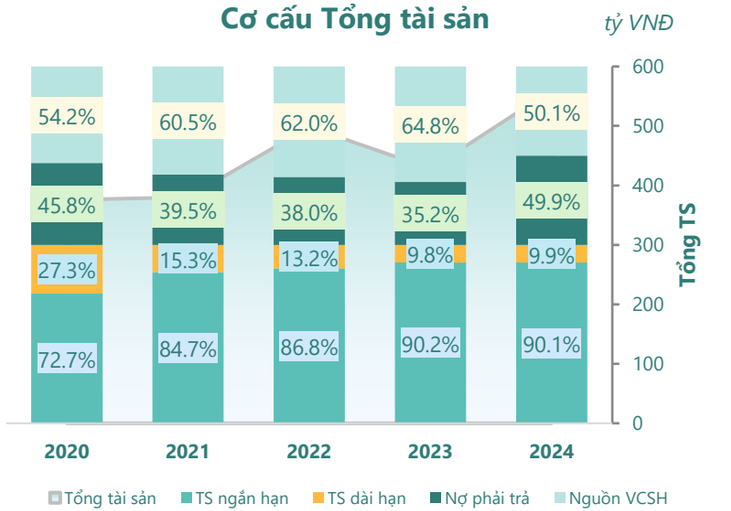
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

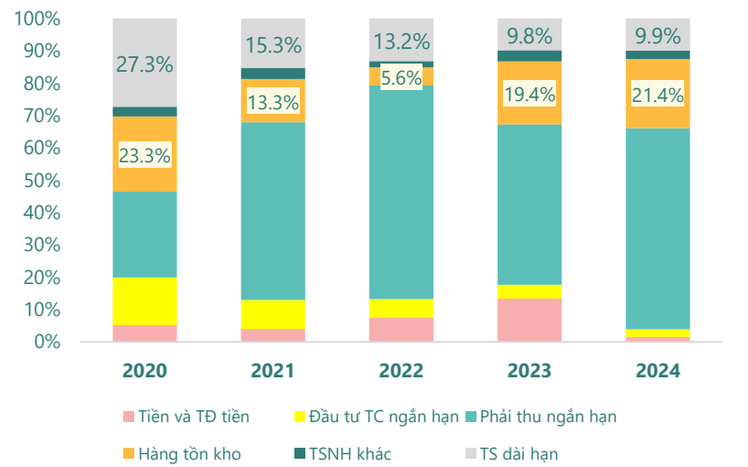
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



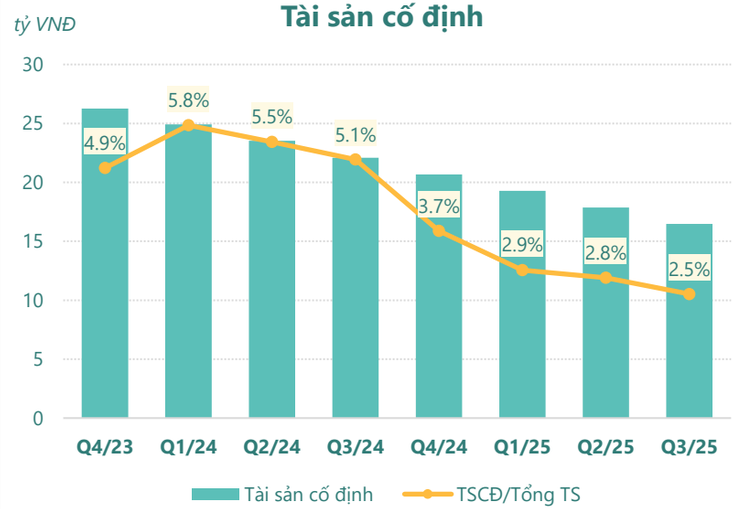
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



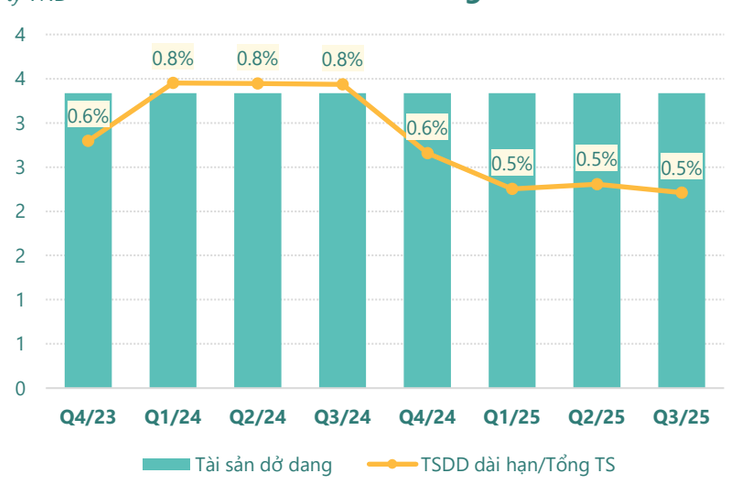
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



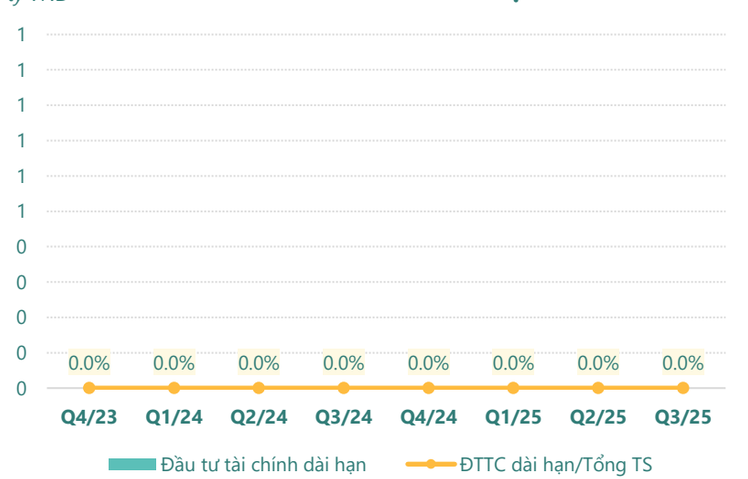
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



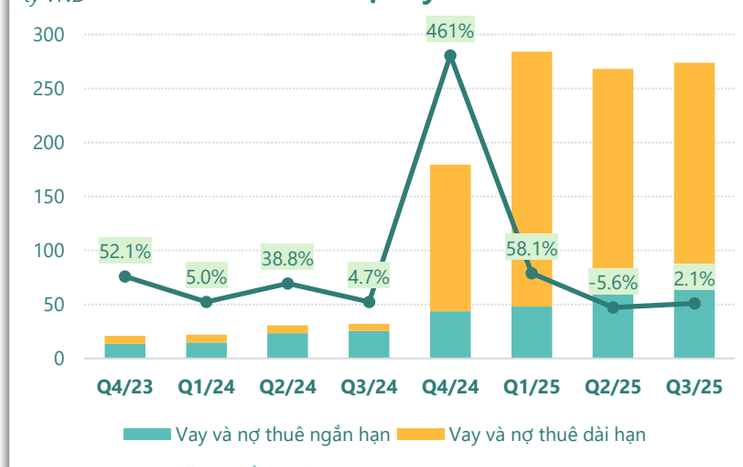
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

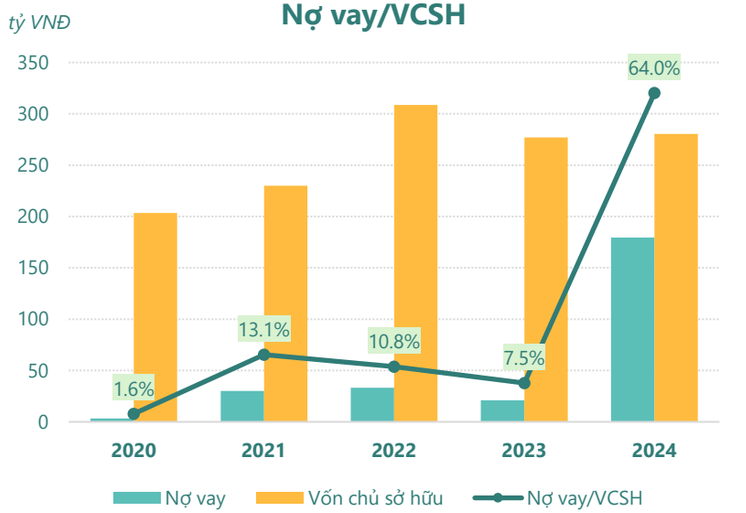
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

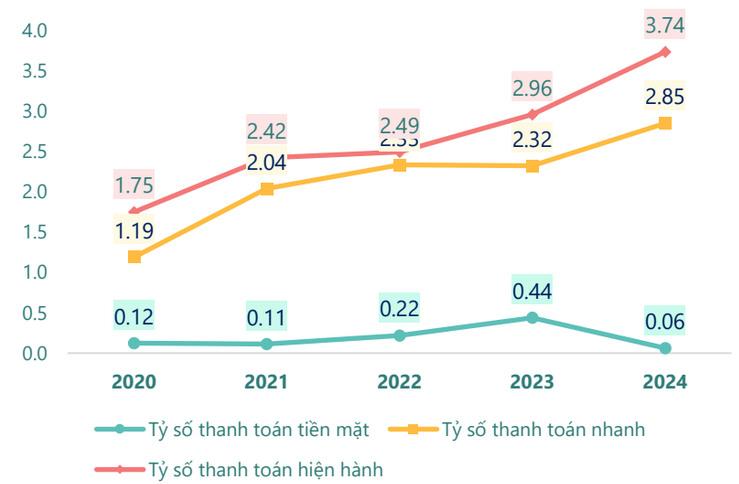
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



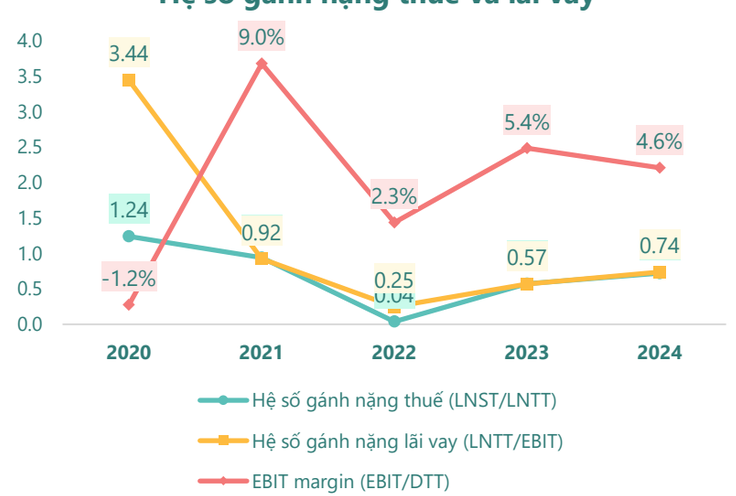
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



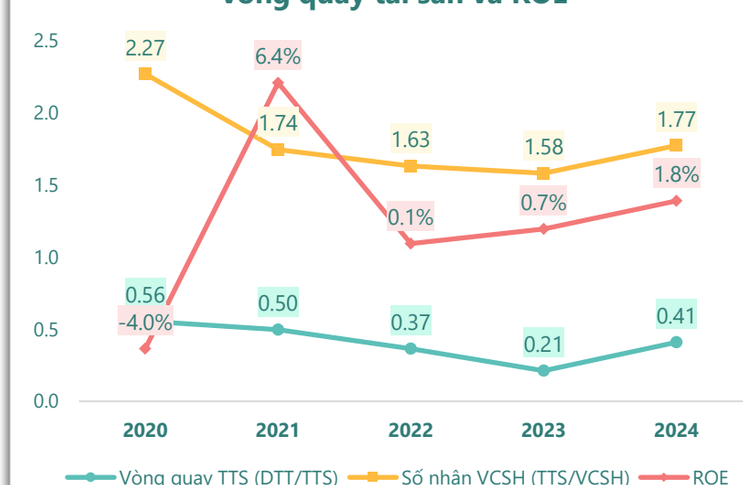
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



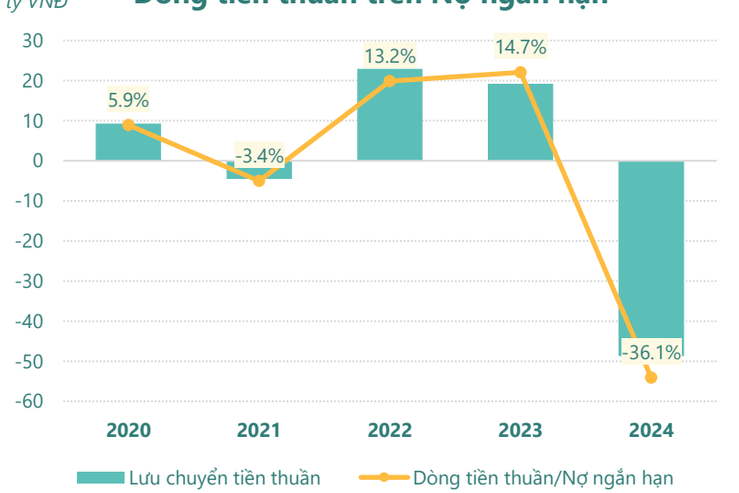
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**66.9**	**70.4**	**-5.0%**	**204**	**133**	**53.3%**
Giá vốn hàng bán	59.9	66.6	-10.1%	188	121	54.7%
Lợi nhuận gộp	7.05	3.81	85.0%	16.0	11.5	38.9%
Doanh thu HĐTC	0.14	0.21	-34.1%	0.52	0.73	-28.5%
Chi phí TC	0.69	0.78	-12.0%	2.18	1.77	23.1%
Chi phí lãi vay	0.69	0.78	-12.0%	2.18	1.33	63.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**3.76**	**3.38**	**11.1%**	**11.8**	**10.1**	**16.9%**
LN thuần từ HĐKD	2.74	-0.14	2061%	2.54	0.38	568%
Lợi nhuận khác	**4.08**	**1.79**	**128%**	**9.41**	**4.86**	**93.5%**
LN trước thuế	6.83	1.65	314%	11.9	5.24	128%
Lợi nhuận sau thuế	**5.34**	**1.16**	**361%**	**9.11**	**3.63**	**151%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.41**	**1.23**	**340%**	**9.33**	**3.84**	**143%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-42.0	-6.55	-18.8	-10.9	36.9	-19.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.8	0.79	7.23	-0.29	-0.39	1.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.88	0.86	16.0	3.20	-18.0	4.51
Tiền đầu kỳ	33.0	8.67	3.77	8.44	0.46	18.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-24.3**	**-4.91**	**4.38**	**-7.98**	**18.4**	**-13.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.67	3.77	8.14	0.46	18.3	5.16

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**671**	**560**	**19.8%**
Tài sản ngắn hạn	614	504	21.7%
Tiền và tương đương tiền	5.16	8.44	-38.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.4	13.3	8.4%
Phải thu ngắn hạn	498	349	42.9%
Hàng tồn kho	86.1	120	-28.1%
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	14.5	-30.0%
Tài sản dài hạn	**56.9**	**55.7**	**2.2%**
Phải thu dài hạn	36.2	23.4	54.9%
Tài sản cố định	16.5	20.7	-20.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.34	9.09	-63.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.39**	**1.59**	**-75.5%**
Lợi thế thương mại	0.47	0.93	-50.0%
Nợ phải trả	381	280	36.3%
Nợ ngắn hạn	**176**	**135**	**30.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	78.1	43.5	79.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	38.5	41.4	-7.0%
Nợ dài hạn	205	145	41.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	196	136	43.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**290**	**280**	**3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**290**	**280**	**3.2%**
Vốn điều lệ	255	255	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)